



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Địa chỉ; Lô CN2-03 - Khu CN Nam Đình Vũ - Phường Đông Hải -
TP. Hải Phòng - Việt Nam

Điện thoại: +84 225 3742778 Fax: +84 225 3742779

Website: <https://www.sivico.com.vn/>



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

Mục Lục

Phần mở đầu	4
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	8
Một số chỉ tiêu chính	9
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	13
Thông tin chung	
Thông tin khái quát	13
Quá trình hình thành và phát triển	15
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Ngành nghề kinh doanh chính	17
Địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	19
Giới thiệu Ban Lãnh Đạo	25
Vị thế	31
Định hướng phát triển	33
Tình hình hoạt động trong năm	
Tình hình hoạt động SXKD	37
Tổ chức và nhân sự	41
Tình hình tài chính	45
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	49
Báo cáo của Ban Giám Đốc	
Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	53
Tình hình tài chính	55
Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý	58
Phương hướng phát triển	58
Báo cáo của HĐQT	
Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty	61
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc	62
Kế hoạch định hướng của HĐQT	63
Quản trị công ty	
Hội đồng quản trị	67
Ban kiểm soát	69
Giáo dục và thù lao	70
Báo cáo tài chính	71

An aerial photograph of a major transportation hub in a city. In the foreground, a complex multi-level highway interchange with several overpasses and ramps is visible. To the right, a large cable-stayed bridge with two tall white pylons spans across a body of water. The background features a dense urban skyline with numerous high-rise buildings under a blue sky with light clouds. A white rounded rectangular box with a blue border is positioned in the upper right quadrant, containing the text 'PHẦN MỞ ĐẦU' in bold blue capital letters.

PHẦN MỞ ĐẦU



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý cổ đông,
Khách hàng, Đối tác và
toàn thể cán bộ công
nhân viên !

"VỮNG VÀNG BẢN LĨNH – BỨT PHÁ TẦM CAO"

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều biến động khó lường. Tuy nhiên, nhìn lại chặng đường đã qua, tôi tự hào khẳng định rằng: **SIVICO không chỉ đứng vững trước sóng gió mà còn đang chuyển mình mạnh mẽ hơn bao giờ hết.** Chính những thách thức của thị trường đã trở thành "lửa thử vàng", giúp chúng ta tôi luyện bản lĩnh và khẳng định giá trị khác biệt của mình.

1. Nhìn lại hành trình vượt thách thức

Trong năm qua, dù chi phí nguyên vật liệu đầu vào biến động và sức ép cạnh tranh gia tăng, SIVICO đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tối ưu hóa quy trình sản xuất và mở rộng hệ sinh thái sản phẩm. Sự tin tưởng của quý vị và sự nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ nhân viên chính là chìa khóa giúp chúng ta duy trì đà tăng trưởng ổn định.

2. Tầm nhìn 5 năm (2026 – 2030): Kiến tạo tương lai

Hướng tới giai đoạn 5 năm tới, Hội đồng Quản trị đã xác định lộ trình chiến lược với mục tiêu đưa SIVICO trở thành đơn vị dẫn đầu không chỉ về quy mô mà còn về **giải pháp công nghệ xanh và bền vững** trong ngành.

- **Đổi mới sáng tạo làm cốt lõi:** Đầu tư mạnh mẽ vào R&D, áp dụng công nghệ tự động hóa và AI vào sản xuất để nâng cao năng suất và giảm thiểu sai sót.
- **Chiến lược tăng trưởng xanh:** SIVICO cam kết chuyển đổi sang quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG khắt khe để vươn tầm ra thị trường quốc tế.
- **Mở rộng thị phần:** Không chỉ giữ vững vị thế tại Việt Nam, chúng ta sẽ đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định thương hiệu Việt trên bản đồ công nghiệp toàn cầu.

3. Cam kết đồng hành

Để đạt được thành công, chúng ta cần một sự đồng lòng tuyệt đối:

- **Với Cổ đông:** Chúng tôi cam kết quản trị minh bạch, hiệu quả và đảm bảo lợi ích bền vững.
- **Với Đối tác:** SIVICO luôn giữ vững chữ "Tín", xây dựng mối quan hệ dựa trên tinh thần cùng thắng (Win-Win).
- **Với Nhân viên:** Công ty sẽ tiếp tục xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, nơi mỗi cá nhân đều có cơ hội tỏa sáng và được ghi nhận xứng đáng.

"Thành công không đến từ sự may mắn, mà đến từ sự chuẩn bị kỹ lưỡng và lòng kiên định trước mọi trở ngại."

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý vị. Chặng đường phía trước có thể còn nhiều chông gai, nhưng với nền tảng vững chắc và khát vọng lớn lao, tôi tin chắc rằng SIVICO sẽ viết tiếp những trang sử thành công rực rỡ hơn nữa.

Trân trọng!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Viện

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	315,748	303,365	96%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	231,553	252,136	109%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	222,384	253,529	114%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	25,531	31,351	123%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25,653	31,603	123%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24,638	30,426	123%

THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN CHUNG

Tên chính thức	CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
Tên viết tắt	SJS.,CO
Vốn điều lệ	34.641.780.000 đồng
Trụ sở chính	Lô CN2-03 KCN Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải, Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại	+842253742778
Fax	+842253742779
Email	sivicohp@gmail.com
Website	www.sivico.com.vn
Mã số doanh nghiệp	0200456505
Mã cổ phiếu	SIV
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng

Logo



Tầm nhìn:

Xây dựng SIVICO trở thành nhà sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang hàng đầu khu vực Đông Nam Á đồng thời là nhà cung cấp đáng tin cậy trong lĩnh vực bao bì ghép màng mỏng phức hợp trong và ngoài nước bằng chiến lược phát triển bền vững nhằm gia tăng sự thịnh vượng cho khách hàng, cán bộ công nhân viên.

Sứ mệnh:

Mang đến các sản phẩm cùng với dịch vụ, chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Phát triển Công ty theo hướng bền vững, hài hòa với môi trường.

Giá trị cốt lõi:

- Hợp tác
- Cùng phát triển
- Sáng tạo
- Lợi ích chung
- Chuyên nghiệp



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1999

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng đã nghiên cứu tình hình thực tế trên thế giới và trong nước. Công ty quyết định triển khai dự án “Sản xuất thử nghiệm sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang” nhằm đón trước, phục vụ cho các công trình trọng điểm quốc gia

Ngày 28 tháng 03 năm 2002

Sau thành công của dự án, ban lãnh đạo Công ty Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng nhận thấy cần phải phát triển sản phẩm này với quy mô lớn hơn nữa để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường loại sản phẩm còn rất mới mẻ tại Việt Nam. Công ty đã quyết định tách riêng dòng sản phẩm này, kêu gọi vốn đầu tư từ các cổ đông hợp tác thành lập một doanh nghiệp chuyên sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO chính thức được thành lập tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm và là đơn vị sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đầu tiên tại Việt Nam. Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 005.DPI được Bộ Khoa học công nghệ và môi trường cấp “ Giấy chứng nhận đăng ký” số 1171/GCNBKHCNMT ngày 07 tháng 05 năm 2002 chuyển giao công nghệ từ hãng DPI Malaysia với công suất cả hai giai đoạn là 6000 tấn/năm cùng với những sản phẩm có liên quan. Khi đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất nhiệt dẻo phản quang với công suất giai đoạn 1 là 3000 tấn/năm

Tháng 07 năm 2002

Nhận thấy những triển vọng trong ngành công nghiệp bao bì, để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng Công ty Cổ phần SIVICO đã mạnh dạn đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất bao bì màng phức hợp cao cấp với công suất 6,5 triệu túi/ tháng.

Tháng 11 năm 2003

Khi phân xưởng sản xuất sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang đã hoạt động có hiệu quả và tạo được lòng tin đối với khách hàng. Công ty quyết định đầu tư hơn 5 tỷ VNĐ để xây dựng thêm phân xưởng sản xuất bao bì màng mỏng với dây chuyền đồng bộ, hiện đại. Khi phân xưởng đi vào hoạt động đã tạo thêm cho hàng chục lao động có việc làm ổn định.

Năm 2004

Tháng 2 năm 2014 tiếp bước những hiệu quả đạt được trong giai đoạn I, giai đoạn II Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng thêm dây chuyền thứ hai nâng công suất lên 6000 tấn/năm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài, Công ty Cổ phần SIVICO đã xây dựng Nhà máy mới tại KCN Tràng Duệ, xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Tháng 9 năm 2004, để hạn chế mua bán thành phẩm bên ngoài Công ty đã đầu tư lắp đặt một dây chuyền máy thổi màng PE công suất 90kg/h. Dây chuyền này vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ vừa có thể bán sản phẩm cho khách hàng khi họ có nhu cầu.

Trong năm 2004, Công ty đã thành công trong việc xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Tháng 4 năm 2004 Công ty được tổ chức chứng nhận BVQI (nay là Breaux Veritas) cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và sau đó được đánh giá cấp lại vào tháng 5 năm 2007.

Tháng 3 năm 2006

Nhằm mục đích mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng đối với bao bì nhựa cứng cho chất tẩy rửa, hóa chất, mỹ phẩm ngày càng tăng. Công ty đã đầu tư dây chuyền thổi chai và ép phun hiện đại của Thái Lan trị giá hơn 2 tỷ VNĐ với sản lượng trên 500.000 chai/tháng.

Tháng 11 năm 2007

Với quyết định đầu tư thêm một dây chuyền in bao bì hiện đại cho ra những sản phẩm được khách hàng đánh giá là có chất lượng tốt đã mở ra nhiều hướng đi mới cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng. Dây chuyền này có tốc độ 150m/phút, kiểm soát chông hình tự động, hoạt động ổn định.

Năm 2009

Công ty Cổ phần SIVICO lựa chọn áp dụng mô hình Quản lý Chất lượng toàn diện (TQM) với mục tiêu

nâng cao trách nhiệm của mỗi người, mỗi bộ phận trong Công ty, đồng thời thúc đẩy hoạt động nỗ lực chung của mọi người. Chính sách chất lượng phải hướng tới khách hàng tức là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn khách hàng ở mức cho phép, không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng. Vì vậy, Công ty Cổ phần SIVICO từng bước tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam

Tháng 4- 2015

Nhà máy mở rộng sản xuất kinh doanh tại KCN Tràng Duệ với quy mô gần 7000m2 đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.

Ngày 23-05-2017

Là phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SIV.

Tháng 4- 2019

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất lần thứ 3 về KCN Nam Đình Vũ với diện tích 21,000m2.

Tháng 1-2022

Triển khai xây dựng từ tháng 7.2020, chạy thử Quý IV.2021 trong lúc tình hình thế giới và trong nước gặp rất nhiều khó khăn do dịch COVID19 kéo dài và chiến tranh giữa Nga và Ukraina, Công ty chính thức hoạt động tại KCN Nam Đình Vũ từ tháng 1.2022, đánh dấu bước ngoặt một trang lịch sử mới cho SIVICO.

Tháng 12-2024

Công ty đã được đánh giá lại và đạt được chứng nhận BRC điểm A+: bằng chứng chứng minh sự tuân thủ tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (BRCGS site code: 10008686, grade A+) và cũng là phần thưởng xứng đáng cho sự nỗ lực và tâm huyết của toàn CBCNV công ty để mỗi sản phẩm được làm ra đều đạt chất lượng tốt nhất.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Sản xuất, kinh doanh sơn giao thông dẻo phản quang

Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu hoá chất



Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, vật tư nguyên liệu, thiết bị ngành bao bì và in ấn



Trụ sở chính của Công ty: CN2-03 KCN Nam Đình Vũ,
Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa bàn kinh doanh chủ yếu ở Việt Nam:
Ba miền Bắc – Trung – Nam

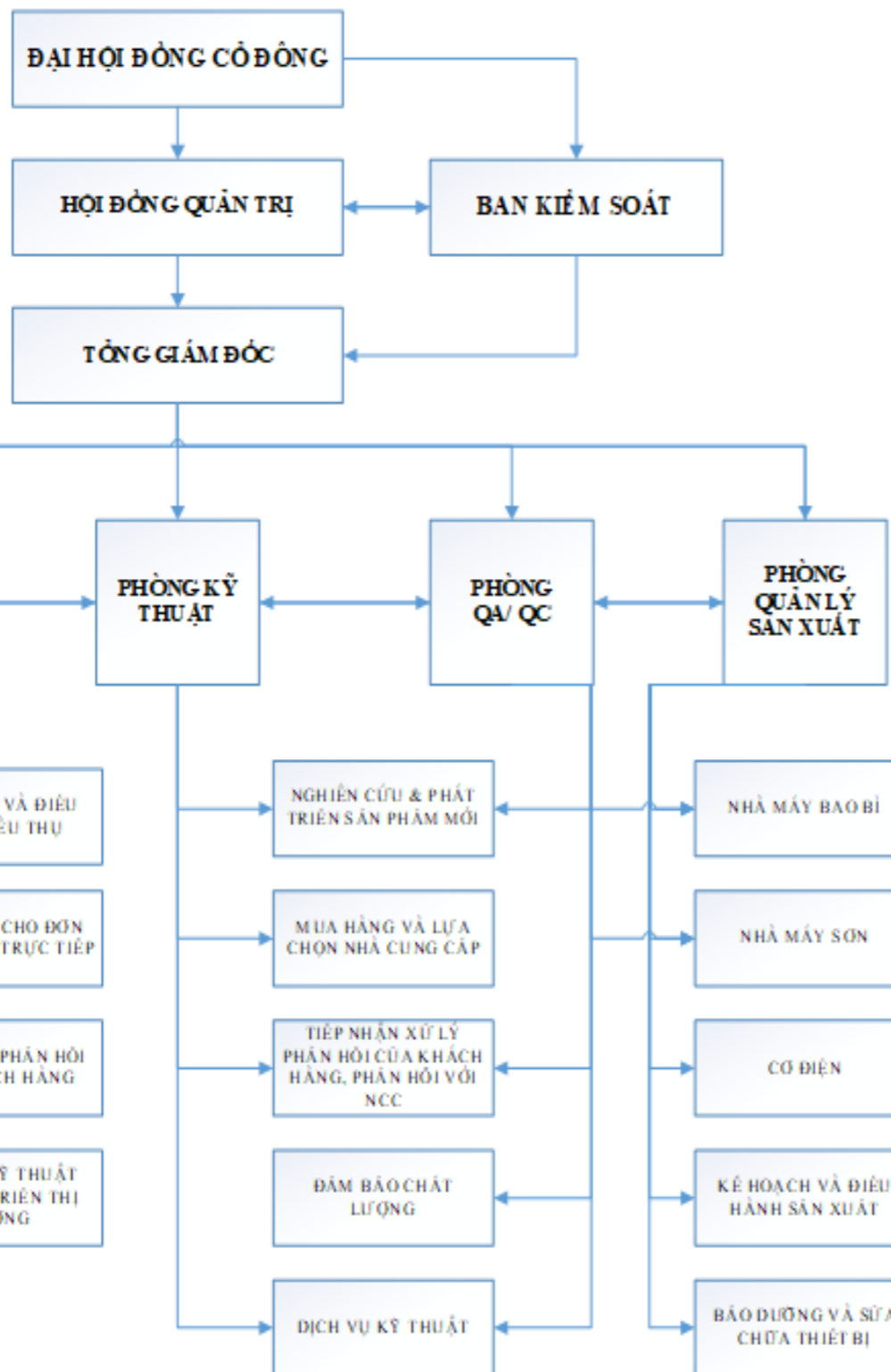




MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



TÊN BỘ PHẬN

MÔ TẢ CHỨC NĂNG

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát có 03 thành viên

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)
CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

Các bộ phận	Chức năng	Nhiệm vụ
Phòng kế toán tổng hợp	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán kế toán và quản lý cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty - Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định, chế độ quản lý tài chính của Công ty - Huy động và điều hòa sử dụng vốn trong toàn công ty, phục vụ hoạt động SXKD đạt hiệu quả cao - Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, về lĩnh vực hành chính nhân sự - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công
Phòng Kinh doanh	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh, thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược và phát triển thương hiệu và nhận diện thương hiệu. - Phát triển hệ thống đại lý và đại diện bán hàng trong và ngoài nước. - Tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng hiện hữu phối hợp cùng Kỹ thuật triển khai dịch vụ kỹ thuật và hỗ trợ sau bán hàng. - Tiếp nhận và là đầu mối giải quyết nhanh chóng phần hồi của khách hàng. - Lập kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện thị trường, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh định kỳ và đột xuất - Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến giao hàng và theo dõi công nợ khách hàng
Nhà máy sản xuất	Thực hiện sản xuất theo lệnh sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình sản xuất đảm bảo sản xuất sản phẩm chất lượng tốt, đúng tiến độ giao hàng, tiết kiệm tiêu hao: vật tư, nguyên liệu, năng lượng, bảo vệ môi trường sản xuất xanh, sạch - Quản lý và sử dụng lao động hợp lý, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao kể cả đột xuất hoặc dự phòng. - Quản lý và sử dụng các tài sản được giao. Bảo đảm an toàn về con người, máy móc thiết bị - Cùng Phòng Kỹ thuật, QA-QC lập kế hoạch và triển khai KAIZEN
Phòng QA-QC	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công tác đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm theo đúng các chỉ tiêu kỹ thuật đã ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát chất lượng từ nguyên liệu trước khi nhập kho, các công đoạn sản xuất, bán thành phẩm và thành phẩm,... đảm bảo đúng các tiêu chuẩn công ty đã ban hành. - Phát hiện các lỗi kỹ thuật, đưa hướng xử lý, điều chỉnh tại hiện trường sản xuất để đảm bảo chất lượng tại từng công đoạn sản xuất. - Giám sát việc tuân thủ quy trình sản xuất, quy trình công nghệ tại các công đoạn. - Tham gia cùng Phòng Kỹ thuật nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nguyên liệu thay thế. - Cùng với Kỹ thuật, Nhà máy sản xuất lập kế hoạch và thực hiện KAIZEN tại các công đoạn sản xuất. - Kết hợp cùng Phòng Kỹ thuật xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu kỹ thuật đối với từng loại nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng; đảm bảo chất lượng tốt đúng yêu cầu.
Phòng Kỹ thuật	Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác Quản lý kỹ thuật và công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất; chế thử các sản phẩm mới	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, phương pháp thử cho từng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm theo các tiêu chuẩn Anh Quốc, Mỹ và Việt Nam - Xây dựng quy trình kỹ thuật cho các công đoạn sản xuất, - Xây dựng và giám sát việc thực hiện các định mức kỹ thuật trong từng công đoạn sản xuất - Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và nguyên liệu thay thế - Lập kế hoạch vật tư, kế hoạch sản xuất đáp ứng tồn kho tối thiểu nhưng đảm bảo tiến độ sản xuất và thời gian giao hàng cho khách hàng. - Thực hiện các nhiệm vụ khác và lĩnh vực kỹ thuật, giám sát sản xuất, giám sát môi trường, an toàn lao động, PCCN theo sự phân công ủy quyền của Tổng Giám đốc. - Cùng với Nhà máy sản xuất và Phòng QA-QC lập kế hoạch và triển khai thực hiện KAIZEN - Kết hợp cùng Nhà máy sản xuất, Phòng QA-QC điều tra nguyên nhân hàng lỗi, hỏng để đề ra các biện pháp khắc phục phòng ngừa không để xảy ra tình trạng hàng lỗi trong tương lai.

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)****CÔNG TY LIÊN KẾT**

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Số 12 Lạch Tray – P. Lạch Tray – Q. Ngô Quyền – Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường	80.071.770.000	6,72%
2	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn VICO	Số 94, đường 208, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		6,22%





GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẪM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	231,796	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	172,500	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	318,046	9.18%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	228,562	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	228,562	6.6%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	91,856	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	107,812	3,11%

Ông Nguyễn Văn Viện - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 5/12/1944
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Quá trình công tác:
 -Từ 8/1964 đến 5/1982: Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng
 -Từ 6/1982 đến 3/1989: Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng
 -Từ 4/1989 đến 12/2002: Giám đốc Công ty Sơn Hải Phòng nay là Công ty CP Sơn Hải Phòng.
 -01/2003- nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sơn Hải Phòng

C Chức vụ hiện tại:
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vico
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2

Ông Nguyễn Mộng Lân - Phó chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 09/01/1949
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất
Quá trình công tác:
 -Từ 1993 đến 1995: Phó phòng thiết kế tại Viện Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 -Từ 1994 đến 1995: Tổng Giám đốc của Daso Chi nhánh Hải Phòng
 -Từ 1995 đến 1997: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Liên doanh Hóa chất Soft
 -Từ 1998 đến nay: Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH VICO

Chức vụ hiện tại:
 -Tổng Giám đốc Công ty TNHH VICO
 -Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Hòa Quang Thiệp - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 14/03/1970
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
 -Từ 9/1997 đến 03/2002: Nhân viên kế toán Công ty Gia công thép VINANIC
 -Từ 4/2002 đến nay: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SIVICO kiêm Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Thủy Nguyên - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 29/03/1958
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa máy
Quá trình công tác:
 -Từ 1987 – nay: Làm việc tại Công ty LHXD Vạn Cường

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LHXD Vạn Cường



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Bà Phạm Thị Hương Lan - Thành Viên HĐQT

Năm sinh: 04/01/1960
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
Quá trình công tác:
 -Từ 1980 đến 2011: Làm việc tại Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 2011 đến 6/2017: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần bao bì VLC

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 8/9/1972
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:
 -Từ 8/1994 đến 11/1996: Công ty Sơn Hải Phòng
 -Từ 12/1996 đến 12/2002: Trưởng chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh
 -Từ 01/2003 đến 9/2005: Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng tại TP Hồ Chí Minh
 -Từ 10/2005 đến 12/2006: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Từ 01/2007 đến 02/2015: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
 - Từ 3/2015 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO
 -Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần BĐS Sơn và hóa chất Á Châu

Ông Trần Bình Ân - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 14/9/1962
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học
Quá trình công tác:
 -Từ 1987 đến 1990: Kỹ sư Nhà máy Cơ khí Duyên hải-Hải Phòng
 -Từ 1990-2000: Cán bộ Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Hải Phòng
 -2001-2018: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát Triển Thị Trường Hóa chất MDI Chemical
 -2018-nay: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty ONEWORLD, Cty METATECH, MITEK

Chức vụ hiện tại:
 - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty ONEWORLD, Cty METATECH, MITEK
 -Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SIVICO





GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4,312	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	177,243	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	8,625	0,25%

Bà Bùi Kim Ngọc - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 16/12/1968
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:
 -Từ 10/1989 – nay: phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chức vụ hiện tại:
 -Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần SIVICO
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Ông Đinh Văn Ước - Thành viên BKS

Năm sinh: 25/10/1958
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thợ bậc 6 Điện
Quá trình công tác:
 -Từ 01/1997 đến 12/1984: Công nhân mỏ than Vàng Danh
 -Từ 01/1985 đến 12/1985: Công nhân Công ty vật tư thủy lợi
 -Từ 01/1086 đến 12/1991: Công nhân xí nghiệp Mạ Điện
 -Từ 01/1992 đến 27/03/2002: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
 c-Từ 28/03/2002 đến 12/2007: PX cơ điện Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO

Ông Hoàng Văn Hùng - Thành viên BKS

Năm sinh: 10/03/1981
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:
 -Từ 9/2003 đến 01/2004: Công ty Bao bì Thiên Hà
 -Từ 03/2004 đến nay: Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Giám đốc Kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần SIVICO

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Hòa Quang Thiệp	Tổng Giám Đốc	318,046	9.18%
2	Bà Dương Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	5,330	0.154%

Bà Dương Thị Thanh Thủy - Kế toán trưởng

Năm sinh: 17/11/1980
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán-Kiểm toán
Quá trình công tác:
 -Từ 12/2003 đến 2/2007: Công ty TNHH RORZE ROBOTECH
 -Từ 8/2009 đến nay: Công ty Cổ phần SIVICO

Chức vụ hiện tại:
 -Giám đốc Tài chính, Trưởng phòng Kế toán tổng hợp-Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SIVICO



VỊ THẾ CÔNG TY

SWOT

Điểm mạnh:

Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang

Với lợi thế là nhà sản xuất nhiều kinh nghiệm, Công ty Cổ phần SIVICO hoàn toàn có thể đảm nhận phần thi công trọn gói đảm bảo chất lượng vạch Sơn tốt nhất, tiến độ nhanh nhất.

Địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước

Công ty có một đội ngũ CBCNV gần 90 người, với độ tuổi lao động bình quân còn rất trẻ, các cán bộ quản lý, kỹ thuật, nhân viên đều có trình độ Đại học chuyên ngành hoá học, điện, điện tử, tự động hoá, cơ khí chế tạo, kinh tế tài chính v.v...và công nhân lành nghề.

Bộ máy quản lý tinh giản, không phức tạp, công kênh, dựa trên nền tảng “tin cậy, đoàn kết, sáng tạo, liên tục bổ sung nâng cấp trình độ chuyên môn” đã giúp công ty phát huy được tối đa hiệu quả các nguồn lực.

Thế mạnh sẵn có về máy móc, thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ tập đoàn DPI - Malaysia, cộng với tính cần cù, sức sáng tạo và kinh nghiệm của CBCNV công ty đã đem lại sự vượt trội về lợi thế so với các nhà sản xuất cạnh tranh.

Chất lượng sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt bởi đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật chuyên ngành được đào tạo tiếp nhận công nghệ tại Malaysia và Singapore.

Điểm yếu:

Công ty còn tồn chi phí để bảo quản một số lượng tương đối lớn hàng tồn kho

Cơ hội

Tiềm năng to lớn của thị trường ngành nhựa và đặc biệt là bao bì phức hợp tại Việt Nam: Thị trường bao bì màng mỏng màng bánh kẹo tăng cao

Thị trường xuất khẩu được đẩy mạnh và được khách hàng Myanmar đánh giá cao về chất lượng, uy tín

Thách thức:

- Thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt
- Giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì đều tăng ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu
- Bị ảnh hưởng bởi tình hình đầu tư xây dựng đường giao thông của Việt Nam còn chậm

Vị thế

Vị thế của Công ty trong ngành:

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, yêu cầu mỗi doanh nghiệp phải có những bước đi riêng để chuyển mình bắt kịp với những thay đổi mang tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường, qua đó tự khẳng định vị thế của mình. Công ty Cổ phần SIVICO, là một doanh nghiệp còn rất trẻ, đã phải vượt qua những thử thách của cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt để không ngừng lớn mạnh. Đóng góp vào sự nghiệp “Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa, Tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông” của đất nước, SIVICO đang tự khẳng định vị trí của Công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam. Khách hàng chủ yếu của Công ty tại thị trường trong nước là các Công ty quản lý và sửa chữa đường đô thị, đường quốc lộ, các nhà thầu xây dựng giao thông, các công ty sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, thực phẩm...Ngoài ra Công ty còn tham gia vào các gói thầu dự án quan trọng về giao thông như:

QL1, QL2, QL6, Đường Hồ Chí Minh...Không những cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, Công ty đang có kế hoạch tiếp cận một số thị trường nước ngoài như: Myanmar, Lào, Campuchia... tiến tới xuất khẩu sản phẩm. Các đặc tính vượt trội của Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang DPI so với các loại sơn khác:

- + Độ phát sáng cao vượt xa tiêu chuẩn quy định
- + Độ bền màu tốt (chỉ số vàng hóa thấp)
- + Chỉ số chống trượt cao làm tăng ma sát nâng cao khả năng an toàn đường trong mọi điều kiện thời tiết
- + Độ bám dính tuyệt vời, dễ thi công, tiết kiệm vật tư, nhiên liệu, không lắng cặn phân tầng khi gia nhiệt liên tục ở nhiệt độ cao

Triển vọng phát triển của ngành:

Trong những năm gần đây hệ thống giao thông ở Việt Nam ngày càng phát triển các dự án xây dựng đường, cầu, hầm được mở rộng để đáp ứng nhu cầu giao thông ngày một tăng. Những phương tiện an toàn tiên tiến đang được ứng dụng vào các hệ thống giao thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Những phương tiện này bao gồm các tín hiệu có thể nhận thấy được trên đường, các vật phản xạ ánh sáng, gương cầu lồi, các trụ phân cách đường, hệ thống chắn tàu hỏa, hệ thống điều khiển giao thông và sơn chỉ dẫn đang được áp dụng vào hệ thống giao thông nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;

Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được

Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả

Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing, bao gồm:

Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %.

Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:

Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.

Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh:

“TIN CẬY, ĐOÀN KẾT, SÁNG TẠO, LIÊN TỤC ĐỔI MỚI

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ:

Chất lượng tạo sự khác biệt, Dịch vụ kỹ thuật tận tình

Về chính sách thị trường và bán hàng:

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến trên toàn quốc và phát triển thị trường xuất khẩu.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật:

Liên tục nghiên cứu phát triển và ứng dụng các nguyên liệu mới để nâng cao chất lượng cũng như tính năng mới của sản phẩm.

Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong Công ty.

Về chính sách đào tạo nhân lực:

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty. Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo nội bộ cũng như đào tạo các khóa học chuyên sâu, nâng cao cho đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Mời chuyên gia đến hướng dẫn học tập;

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động

Các hoạt động khác:

Đối với việc bảo vệ môi trường: Thân thiện, giữ gìn, nâng niu

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty cam đoan và chịu trách nhiệm về tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu công bố thông tin.



**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh qua các năm

Công ty Cổ phần SIVICO hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, cụ thể là sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và các nguyên vật liệu ngành bao bì và in ấn. Hóa chất nói chung là ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng như phân bón, sơn và mực in, thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa,... Ngành công nghệ sản xuất hóa chất Việt Nam đang vươn mình lớn mạnh với tỷ lệ tăng trưởng mỗi năm 12%, trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm và được ưu tiên để đáp ứng các nhu cầu cho các ngành công nghiệp khác và nền kinh tế nói chung. Là doanh nghiệp đứng đầu Việt Nam về sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang, Công ty

Cổ phần SIVICO đã góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng này.

Trong thời điểm hiện nay, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao phủ khắp lãnh thổ và đóng vai trò trực tiếp kết nối mạng lưới giữa các vùng, miền, các cảng hàng không, cảng biển, cửa khẩu, đầu mối giao thông quan trọng. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có những bước phát triển mạnh theo hướng hiện đại. Đây cũng là nền tảng khiến ngành sơn, đặc biệt là sơn vạch kẻ đường tăng mạnh. Với hơn 600 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sơn và hầu hết các hãng sơn lớn của thế giới đều xuất hiện tại Việt Nam, cuộc cạnh tranh trên thị trường giữa sơn nội và sơn ngoại luôn mạnh mẽ.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2025	TH năm 2025	TH / KH (%)
Doanh thu	Triệu đồng	250,000	253,529	101%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25,000	30,426	121%
Cổ tức	%	35%	35%	100%

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	CAGR
Doanh thu thuần	Triệu đồng	175,267	209,323	211,499	222,384	253,529	10%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	132,720	167,947	157,355	167,806	186,765	9%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	42,547	41,375	54,144	54,578	66,764	12%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	-3,442	-7,228	-6,540	-4,247	-3,410	0%
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	19,587	21,310	25,831	25,013	32,242	13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	19,805	13,035	21,980	25,531	31,351	12%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32,975	13,040	22,120	25,653	31,603	-1%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29,249	12,088	21,173	24,638	30,426	1%



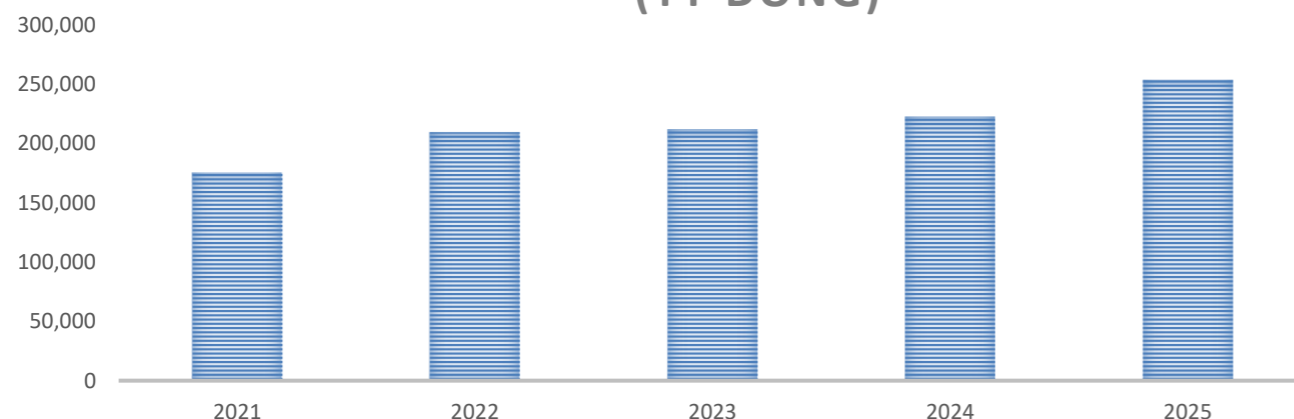
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (Tiếp Theo)

Xét về doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, trung bình trong 05 năm từ 2021- 2025, doanh thu Công ty tăng 10%, đạt hơn 253 tỷ đồng trong năm 2025. Sở dĩ có sự tăng lên này là do nhu cầu của thị trường về sơn giao thông ngày một tăng. Nguyên nhân là do Quy chuẩn mới về An toàn giao thông được áp dụng, trong đó quy định rõ khi nào phải sơn duy tu và trách nhiệm của đơn vị quản lý đường so với Quy chuẩn các năm trước.

Giá vốn hàng bán của Công ty năm 2025 đạt 186,765 triệu đồng, tăng trung bình 9% trong cả giai đoạn do giá nguyên liệu chính cả hai mảng sơn và bao bì đều tăng ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu. Trước nhu cầu tăng cao của thị trường, giá nguyên liệu sản xuất bao bì năm 2025 cũng tăng.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh nhìn chung trong 05 năm tăng 12%, đạt mức 31,351 triệu năm 2025.

DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG)



Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo dòng sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (tr.đ)	Năm 2025 (tr.đ)	% Tăng trưởng
1	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	219,449	250,322	114%
2	Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1,040	1,499	144%
3	Doanh thu khác	1,895	1,708	90%
	Tổng	222,384	253,529	114%

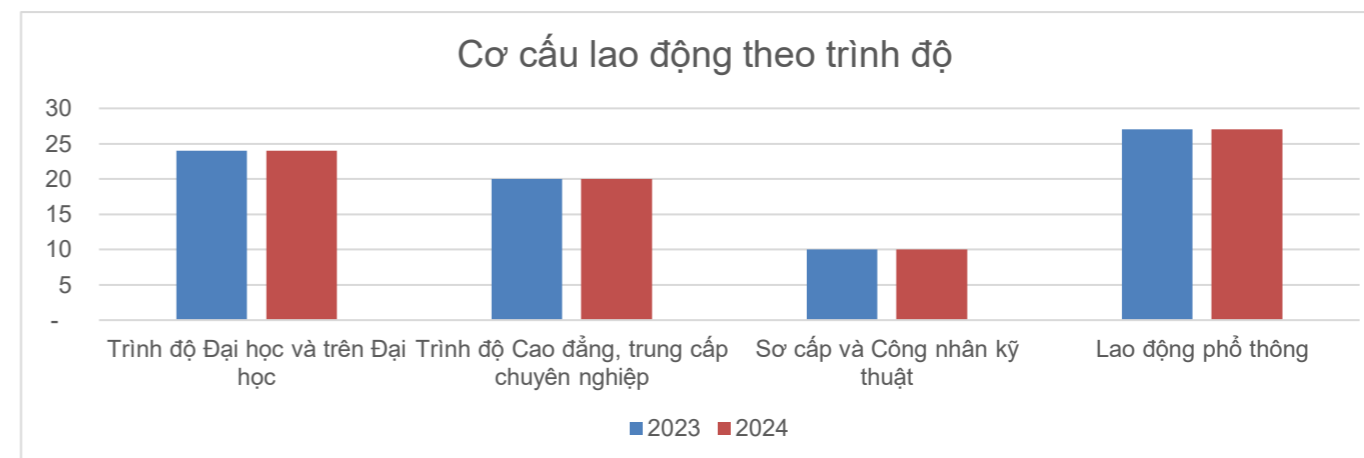
Hai lĩnh vực trọng yếu của Công ty là bán hàng Bao bì và bán hàng Sơn, dịch vụ cho thuê mặt bằng chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng sơn và bao bì tăng 14% so với năm 2024.

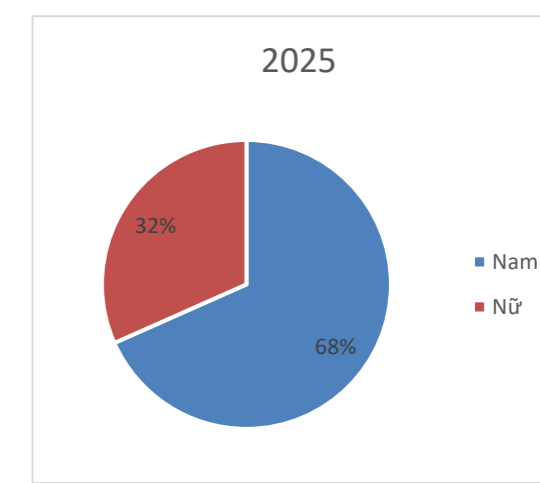
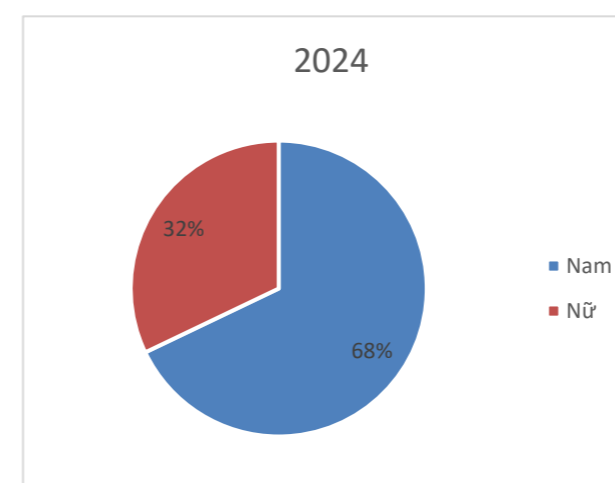


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

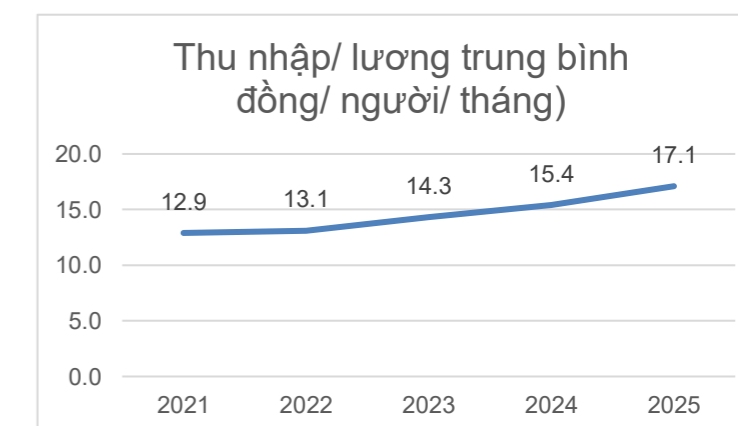
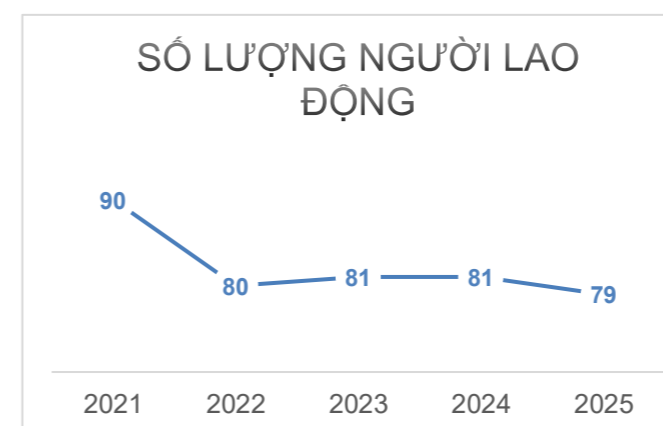
STT	Tiêu chí	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	24	30.00%	23	29.75%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	20	25.00%	20	25.30%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	12.50%	10	12.65%
4	Lao động phổ thông	27	33.75%	26	32.30%
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	54	67.50%	53	67.70%
2	Lao động gián tiếp	27	33.75%	26	32.30%
III	Theo giới tính				
1	Nam	55	68.75%	54	68.35%
2	Nữ	26	32.50%	25	31.65%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ				
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0.00%	1	1.26%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	31	38.27%	31	39.24%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	50	61.73%	47	59.50%
V	Theo độ tuổi				
1	Từ 18 đến 25 tuổi	1	1.23%	1	1.32%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	24	29.63%	24	30.38%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	33	40.74%	32	40.50%
4	Trên 45	23	28.40%	22	27.80%
	Tổng cộng	81	81	100.00%	100.00%



Cơ cấu lao động theo giới tính



STT	Tiêu chí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Số lượng người lao động	90	80	81	81	79
2	Thu nhập/ lương trung bình (triệu đồng/ người/ tháng)	12.9	13.1	14.3	15.4	17.1





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



Chính sách lương: Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.



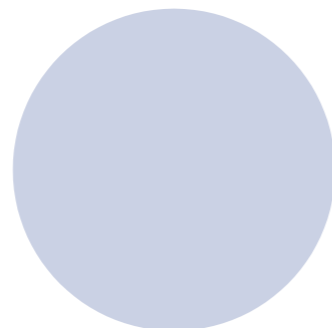
Chính sách khen thưởng: Hàng năm, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thường cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.



Bảo hiểm xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	315.748.657.607	303.365.207.372	96%
Doanh thu thuần	222.384.747.474	253.529.762.015	114%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.531.781.388	31.351.056.183	123%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	214.968.101	239.682.312	111%
Lợi nhuận trước thuế	25.653.768.444	31.603.427.667	123%
Lợi nhuận sau thuế	24.638.614.024	30.426.857.802	123%



Tổng tài sản năm 2025 đạt **303.3** tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2024.

Doanh thu thuần của Công ty **tăng 114%** so với năm trước, đạt mức **253.5** tỷ đồng.

Công ty luôn tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm thuộc lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp. Hơn nữa, Công ty cũng tăng cường tiếp thị mảng duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật, tập trung thúc đẩy xuất khẩu sơn đi Myanmar, Lào, Campuchia và tìm kiếm thị trường mới, tập trung phát triển khách hàng bao bì lớn cao cấp lĩnh vực bánh kẹo, chế biến thực phẩm. Mặc dù vậy, sau dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng mạnh tới nhu cầu tại các thị trường của doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều ở mức an toàn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 là 3.63 lần chứng tỏ Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng bằng các tài sản có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 12 tháng tới. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty ở mức 2.67 lần thể hiện Công ty vẫn đảm bảo yêu cầu khả năng đáp ứng ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Sự chênh lệch giữa hai hệ số này chứng tỏ tài sản ngắn hạn của Công ty phụ thuộc khá lớn vào hàng tồn kho.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giữ mức 0.17 và 0.2 giảm so với năm 2024.

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty đều có sự tăng nhẹ. Vòng quay hàng tồn kho năm nay đạt 3.33 vòng, tăng 0.49 vòng so với năm ngoái. Điều này chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty tăng so với năm liền kề.

Các chỉ số về lợi nhuận của công ty đều tăng so với năm trước, đây là một tín hiệu đáng mừng trong thời kỳ kinh tế thế giới khó khăn và lạm phát cao.



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.14	3.63
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.36	2.67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.27	0.17
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0.36	0.20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2.84	3.33
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.70	0.84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	11.1%	12%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	10.6%	12.1%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	7.8%	10%





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông là tổ chức: 04 cổ đông, sở hữu 659.310 cổ phần, chiếm 19.03%.
- Cổ đông là cá nhân: 232 cổ đông, sở hữu 2.804.868 cổ phần, chiếm 80,97%.
- Cổ đông trong nước: 230 cổ đông, sở hữu 3.249.223 cổ phần, chiếm 93.8%
- Cổ đông nước ngoài: 06 cổ đông, sở hữu 214.955 cổ phần, chiếm 6.2%

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 34.641.780.000 đồng
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 3.464.178 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Tự do chuyển nhượng



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ bán ra: 0 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư củ chủ sở hữu

Không thay đổi

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Hoà Quang Thiệp	318,046	9.18%
2	Công ty CP Sơn H P	232,875	6.72%
3	Nguyễn Văn Viện	231,796	6.69%
4	Nguyễn Thủy Nguyên	228,562	6,60%
5	Trần Bình Ân	228,562	6,60%
6	Trần Thị Lưu Ly	215,625	6,22%
7	Công ty trách nhiệm hữu hạn VICO	215,625	6,22%
8	REVERIE LTD	188,255	5,43%
9	Đình Văn Ước	177,243	5,12%



**BÁO CÁO
CỦA
BAN GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện (tỷ đồng)		So sánh	
	Năm 2024	Năm 2025	So với KH năm 2025	So với 2024
Doanh thu thuần	222,384	253,529	101%	114%
Lợi nhuận sau thuế	24,638	30,426	122%	123%
Cổ tức	tiền mặt 20% và cổ phiếu 15%	35% tiền mặt	100%	100%

Năm 2025 là một năm khó khăn đối với ngành sản xuất hóa chất tuy nhiên, với các chính sách và phương châm rõ ràng cùng các định hướng tốt, Công ty vẫn đạt 101% so với kế hoạch, tăng 14% so với năm trước.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Chỉ tiêu	2024		2025		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	173.834.207.466	55%	166.826.800.854	55%	-4%
B. Tài sản dài hạn	141.914.450.141	45%	136.538.406.518	45%	-4%
Tổng tài sản	315.748.657.607	100,00%	303.365.207.372	100,00%	-4%

Tổng tài sản năm 2025 đạt 303.3 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2024 do năm nay Công ty đã thanh toán hết món vay trung hạn và số tiền vay ngắn hạn giảm nhiều so với 2024.

Công ty luôn tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm thuộc lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp. Hơn nữa, Công ty cũng tăng cường tiếp thị mảng duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ dịch vụ kĩ thuật, tập trung thúc đẩy xuất khẩu sơn đi Myanmar, Lào, Campuchia và tìm kiếm thị trường mới. Bên cạnh đó, công tác phát triển khách hàng bao bì lớn cao cấp trong lĩnh vực bánh kẹo, chế biến thực phẩm cũng được phát huy.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	2024		2025		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	81.195.478.899	96.4%	51.228.904.038	100%	-37%
B. Nợ dài hạn	3.000.000.000	3.6%	0		-100%
Nợ phải trả	84.195.478.900	100%	51.228.904.038	100%	

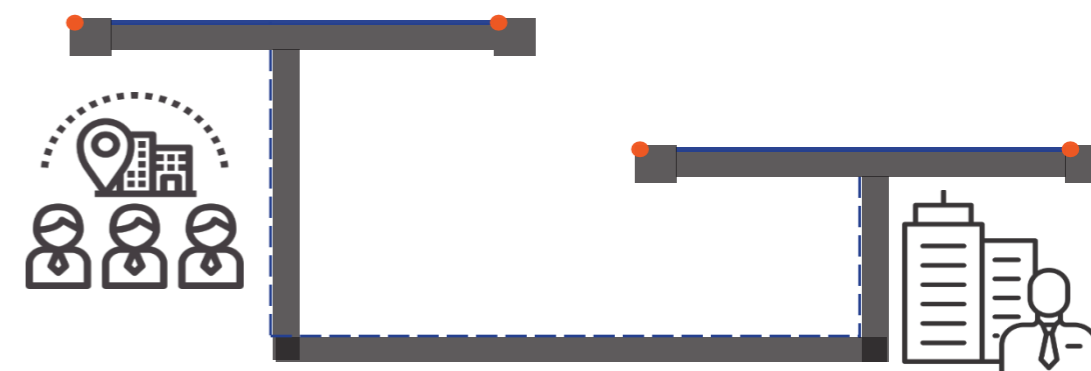


NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU LAO ĐỘNG, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về nhân sự

Tuyển dụng thêm Nhân viên kinh doanh (cử nhân kinh tế); nhân viên kỹ thuật và 10 công nhân.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý.
Đào tạo nâng cao tay nghề và đào tạo định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...



PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tăng cường công tác Marketing, dịch vụ kỹ thuật, phát triển thị trường xuất khẩu.

Mở rộng thị trường bao bì màng mỏng. Ưu tiên phát triển sản phẩm yêu cầu chất lượng cao.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ quản lý, điều hành cũng như kỹ năng lao động, tinh thần trách nhiệm cao đối với mỗi thành viên Công ty

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV.



BÁO CÁO CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY



Đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

6 tháng đầu năm 2025, tình hình kinh tế thế giới suy thoái và lạm phát ảnh hưởng toàn diện đến mọi mặt của đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước khó khăn và rất nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2025 là một năm khó khăn đối với tất cả các ngành sản xuất kinh doanh nói chung và ngành hóa chất nói riêng do ảnh hưởng của chiến tranh, tỷ giá USD/VNĐ, lãi suất,....



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm vừa qua, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng quy mô phát triển, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Giữ vững ổn định và phát triển thị trường.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.

Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty

Tập trung đào tạo đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị.

Tổ chức đội ngũ cán bộ công nhân viên-người lao động đông đảo, đoàn kết, dồi dào về kiến thức kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 – 30%, năm sau cao hơn năm trước; đưa Công ty thành doanh nghiệp có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.

Tiếp tục kiểm tra rà soát, hoàn thiện và phát triển danh mục sản phẩm của Công ty theo định hướng tạo ra các dòng sản phẩm có hiệu quả, nâng cao giá trị sản phẩm để hệ thống bán hàng có điều kiện phát triển doanh số trên thị trường bán hàng và đem lại động lực cho nhân sự bán hàng trong hệ thống.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Thách thức vị trí dẫn đầu: lấy các mô hình của các công ty dẫn đầu trong ngành sơn tại Việt Nam, học tập họ những điểm mạnh, đặt ra mục tiêu và con đường để dần dần vươn lên bằng và vượt họ. Điều này liên quan đến mọi thứ (mô hình sản xuất, mô hình kinh doanh, sản phẩm, tài chính...)

Tập trung đầu tư vào những phân khúc thị trường và sản phẩm có khả năng sinh lời lớn, rủi ro tương đối thấp, chọn những sản phẩm dễ sản xuất, phổ thông, giá vừa phải, dễ sử dụng, vòng quay sản phẩm nhanh, chủ yếu bán kênh thương mại... Kèm theo việc phát triển, đầu tư vào hệ thống bán hàng, marketing.

Đầu tư nhà máy mới tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ với diện tích mặt bằng 21.000m² theo hướng tự động hóa, đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn cao về bao bì thực phẩm.

Củng cố những chỗ xung yếu: Phát hiện những điểm yếu của doanh nghiệp, lên kế hoạch, tiến hành nâng dần để những điểm yếu trở thành trung bình hoặc mạnh.

Xây dựng chọn lọc theo thể mạnh: Phân tích những điểm nào, mặt nào là thể mạnh của Công ty để phát triển, tập trung nguồn lực, không phát triển những mặt không có kinh nghiệm cũng như là điểm yếu.

Tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi của Công ty là sản phẩm sơn giao thông phản quang, các sản phẩm phục vụ lĩnh vực an toàn giao thông và bao bì nhựa cao cấp.

Thành lập Ban quản lý dự án, phân công nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể tới từng thành viên Ban quản lý đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

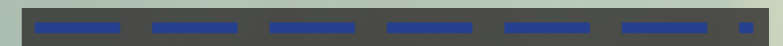
Nâng cao năng lực con người trực tiếp sản xuất cũng như quản lý theo hướng tinh gọn, áp dụng các hệ thống quản trị tiên tiến, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của Công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch 2026

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2025	KH năm 2026
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	253,723	270,000
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,426	25,000
Cổ tức	%	35	24



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	231,796	6,69%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó chủ tịch HĐQT	172,500	4,98%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	318,046	9,18%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	228,562	6,60%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	228,562	6,60%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	91,856	2,65%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	107,812	3,11%

Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	04	100%
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	04	100%
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	04	100%
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	02	50%
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	03	75%
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	04	100%
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	04	100%

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp liên quan đến tình hình quản trị của Công ty.
 Hội đồng quản trị tổ chức họp thường xuyên, định kỳ hàng quý do Chủ tịch HĐQT chủ trì, các cuộc họp đều có Ban kiểm soát tham dự. Thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, đề xuất giải quyết và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong SXKD, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 HĐQT luôn giám sát hoạt động của Ban điều hành và phát huy mục tiêu SXKD của Công ty mà Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2025 đã thông qua

HĐQT họp thường kỳ 1 lần/quý, luôn đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như: Định hướng đầu tư, phát triển sản phẩm trung và dài hạn của Công ty
 Đầu tư chiều sâu: Chỉ đạo hướng nghiên cứu sản phẩm mới, nghiên cứu nguyên liệu thay thế...
 Xây dựng và quyết định bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực cho phù hợp với tình hình phát triển SX- KD của Công ty.
 Mở rộng thị trường trong cả nước: Bắc, Trung, Nam và đẩy mạnh xuất khẩu
 Luôn đôn đốc Ban Kiểm soát hoạt động thường xuyên. Duy trì kiểm tra quyết toán hàng quý của Công ty.
 Luôn luôn đảm bảo mục tiêu chung: Xây dựng công ty phát triển nhanh và bền vững




BAN KIỂM SOÁT
Thành viên ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4,312	0,12%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	177,243	5%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	8,625	0,25%

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4	100%
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	4	100%
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	4	100%

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau: Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành. Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.


GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

Thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức phụ cấp (vnd/tháng)
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	6.000.000
2	Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	4.800.000
3	Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	4.200.000
4	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	4.200.000
5	Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	4.200.000
6	Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	4.200.000
7	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	4.200.000
Tổng cộng			31.800.000

Thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức phụ cấp (vnd/tháng)
1	Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	4.200.000
2	Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	2.400.000
3	Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên BKS	2.400.000
Tổng Cộng			9.000.000

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan:
Không có**

A hand holding a blue pen points to a financial report. The report features a bar chart with three series (blue, red, yellow) and a line chart with three series (green, red, purple). The text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025' is overlaid in a white box with a black border and a blue dashed underline. The background is a blurred wooden desk.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.826.800.854	173.834.207.466
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.003.292.157	8.265.860.857
1. Tiền	111	5	13.003.292.157	8.265.860.857
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.172.296.305	102.187.916.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.627.755.102	118.700.810.775
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.367.504.180	947.302.066
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	179.823.308	1.449.314.222
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(25.002.786.285)	(18.909.510.903)
III. Hàng tồn kho	140		49.088.741.609	63.135.715.141
1. Hàng tồn kho	141	10	49.088.741.609	63.135.715.141
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		562.470.783	244.715.308
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	199.325.340	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15.2	363.145.443	244.715.308
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.538.406.518	141.914.450.141
I. Tài sản cố định	220		81.542.362.790	88.057.478.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	81.542.362.790	88.057.478.187
- Nguyên giá	222		139.600.961.330	135.019.817.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.058.598.540)	(46.962.339.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		1.115.877.290	1.115.877.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.115.877.290)	(1.115.877.290)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.936.000.000	7.936.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	7.936.000.000	7.936.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		47.060.043.728	45.920.971.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	47.060.043.728	45.920.971.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		303.365.207.372	315.748.657.607


CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 - DN Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		51.228.904.038	84.195.478.900
I. Nợ ngắn hạn	310		51.228.904.038	84.195.478.900
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.173.658.319	17.804.385.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.705.482.993	757.787.503
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.1	2.064.067.765	3.000.944.296
4. Phải trả người lao động	314		3.674.734.756	2.393.391.570
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.138.159.862	837.177.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	803.931.137	738.140.962
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	13.517.348.114	40.806.203.457
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.151.521.092	17.857.448.013
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.136.303.334	231.553.178.707
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	252.136.303.334	231.553.178.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	34.641.780.000	30.123.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.641.780.000	30.123.740.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	113.644.734.585	113.644.734.585
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	103.849.788.749	87.784.704.122
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.422.930.947	63.146.090.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.426.857.802	24.638.614.024
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		303.365.207.372	315.748.657.607

Người lập biểu


Hoàng Thị Thúy Dung

Kế toán trưởng


Dương Thị Thanh Thủy
Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026
Tổng Giám đốc

Hòa Quang Thiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Mẫu số B02 - DN	
			Năm 2025	Năm 2024
Đơn vị tính: VND				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	253.723.068.254	222.641.275.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	193.306.239	256.527.610
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	253.529.762.015	222.384.747.474
4. Giá vốn hàng bán	11	22	186.765.483.690	167.806.736.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.764.278.325	54.578.010.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	239.682.312	214.968.101
7. Chi phí tài chính	22	24	3.410.562.141	4.247.611.898
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.148.511.289	3.302.354.895
8. Chi phí bán hàng	25	25.1	6.172.686.517	4.718.958.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.2	26.069.655.796	20.294.627.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		31.351.056.183	25.531.781.388
11. Thu nhập khác	31	26	280.052.287	185.438.283
12. Chi phí khác	32	27	27.680.803	63.451.227
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		252.371.484	121.987.056
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.603.427.667	25.653.768.444
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.176.569.865	1.015.154.420
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		30.426.857.802	24.638.614.024
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	9.607	6.707

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026
Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Mẫu số B03 - DN	
			Năm 2025	Năm 2024
Đơn vị tính: VND				
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.603.427.667	25.653.768.444
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	11.875.820.924	11.232.131.416
- Các khoản dự phòng	03	8	6.093.275.382	2.226.581.200
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		556.984	(1.287.912)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23,26	(305.963.963)	(228.680.189)
- Chi phí lãi vay	06	24	2.148.511.289	3.302.354.895
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.415.628.283	42.184.867.854
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.196.085.662)	(6.979.365.458)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.046.973.532	(8.133.172.450)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.853.362.463)	8.779.817.145
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.338.397.114)	(1.648.234.965)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(2.148.511.289)	(3.302.354.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(1.295.000.000)	(1.060.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.524.912.096)	(4.294.217.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.106.333.191	25.547.340.110
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	13	(5.360.705.527)	(5.687.772.131)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	26	127.090.909	15.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	178.873.054	213.680.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.054.741.564)	(5.459.091.942)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	160.149.001.574	155.570.433.715
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(187.437.856.917)	(168.430.937.778)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(6.024.748.000)	(7.229.697.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.313.603.343)	(20.090.201.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		4.737.988.284	(1.953.495)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	8.265.860.857	8.266.526.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(556.984)	1.287.912
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	13.003.292.157	8.265.860.857

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026
Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sivico, trụ sở đặt tại Lô CN2-03 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000161 ngày 28/3/2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tám ngày 29/8/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 34.641.780.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại 31/12/2025 là 79 người (tại 01/01/2025 là 81 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn sơn, véc ni;
- Bán buôn sơn công nghiệp, sơn tàu biển; bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); bán buôn bao bì các loại, mực in.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh số 1 Công ty Cổ phần Sivico	Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, Phường An Biên, Hải Phòng	Kho chứa nguyên liệu thành phẩm sơn và bao bì, cho thuê nhà xưởng

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày 31/12/2025 là 25.900 VND/USD (tại ngày 31/12/2024 là 25.250 VND/USD).

4.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Cổ tức được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (sản phẩm bao bì màng mỏng) được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	08 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: hệ thống phần mềm 3S ERP.iMFG, phí chuyển giao công nghệ DPI và hệ thống quản lý chất lượng ISO 900-2001 đã khấu hao hết và còn sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Chi phí trực in phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh được xác định bằng giá trị trực in (:) tổng số cuộn bao bì sản xuất ước tính (x) số cuộn bao bì sản xuất trong năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Tiền thuê đất trả một lần cho suốt thời gian thuê tại KCN Nam Đình Vũ có diện tích 21.000m², thời gian thuê từ ngày 15/11/2018 đến ngày 06/5/2059, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ khác và phí thương hiệu tập đoàn năm 2025 được phân bổ kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Tại 31/12/2025, Công ty chỉ có các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo và được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm:

- Phí chuyển giao công nghệ DPI được ước tính dựa trên doanh thu bán sơn DPI trừ (-) chi phí đóng gói, vận chuyển nhân (x) tỷ lệ (%) phí phải trả (1,5%);
- Thưởng vượt doanh số của các đại lý được ước tính dựa trên doanh thu vượt mức quy định cho từng đại lý nhân (x) tỷ lệ (%) vượt định mức được hưởng.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và cổ tức được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

- Chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa;
- Hàng bán bị trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí hoa hồng, môi giới; chi phí xăng xe, vận chuyển; chi phí tiếp khách, quà tặng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dự phòng phải thu khó đòi; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

4.20 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với thu nhập của Công ty từ dự án đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư có phát sinh doanh thu (từ năm 2022 đến hết năm 2036), được miễn thuế TNDN trong 04 năm (từ năm 2022 đến hết năm 2025) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến hết năm 2034). Đối với phần thu nhập do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN, đồng thời tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi đang áp dụng.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 14, 19, 21, 32.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	162.527.191	94.895.942
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.840.764.966	8.170.964.915
Cộng	13.003.292.157	8.265.860.857

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	127.627.755.102	118.700.810.775
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	25.155.751.038	27.238.190.438
Công ty TNHH Thăng Long L.T	13.062.475.656	15.144.915.056
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Tân Thành An	12.093.275.382	12.093.275.382
Các khoản phải thu của khách hàng khác	102.472.004.064	91.462.620.337
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.664.885.873	7.681.066.318
Công ty TNHH Vico	2.086.869.497	4.799.244.055
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	1.113.527.214	2.542.314.585
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	154.509.962	165.908.200
Công ty Cổ phần Vilaco	309.979.200	173.599.478

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	179.823.308	-	1.449.314.222	-
Phải thu về cổ tức được chia	172.500.000	-	172.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.219.097.103	-
Số dư nợ phải nộp bảo hiểm	-	-	50.693.811	-
Số dư nợ phải trả khác	7.323.308	-	7.023.308	-

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ngắn hạn	(18.909.510.903)	(16.682.929.703)
Tại ngày 01/01	(18.909.510.903)	(16.682.929.703)
Trích lập dự phòng	(6.093.275.382)	(3.000.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	773.418.800
Tại ngày 31/12	(25.002.786.285)	(18.909.510.903)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(25.002.786.285)	(18.909.510.903)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

NỢ XẤU

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.448.971.267	11.624.686.049
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Tân Thành An	-	2.093.275.382
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	12.093.275.382	12.093.275.382
- Công ty TNHH Thăng Long L.T	2.968.310.950	9.050.750.350
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	13.062.475.656	15.144.915.056
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn đầu tư xây dựng công trình số 9	197.329.125	197.329.125
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	657.763.750	657.763.750
- Công ty TNHH Kaiyang Việt Nam	-	814.079.200
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	814.079.200	814.079.200
- DNTN Phương Ngọc	-	263.775.273
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	263.775.273	263.775.273
- Xi nghiệp Xây lắp Trường Sơn	-	195.050.360
Thời gian quá hạn: trên 03 năm	-	-
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	195.050.360	195.050.360
- Các đối tượng khác	1.365.337.931	1.365.337.931

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B09 - DN
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	671.304.561	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.093.889.224	-	49.327.498.956	-
Công cụ, dụng cụ	4.040.733.519	-	4.498.786.741	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	854.726.891	-	1.384.985.398	-
Thành phẩm	6.039.029.672	-	7.196.740.394	-
Hàng hóa	60.362.303	-	56.399.091	-
Cộng	49.088.741.609	-	63.135.715.141	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
11.1 Ngắn hạn	199.325.340	-	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	111.200.000	-	-	-
Chi phí khác	88.125.340	-	-	-
11.2 Dài hạn	47.060.043.728	-	45.920.971.954	-
Trực in xuất dùng	19.160.043.728	-	17.183.971.954	-
Tiền thuê đất	27.900.000.000	-	28.737.000.000	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	9.173.658.319	9.173.658.319	17.804.385.277	17.804.385.277
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	2.012.426.116	2.012.426.116	7.140.473.586	7.140.473.586
Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	-	-	2.777.400.002	2.777.400.002
Công ty Cổ phần Vật liệu bao bì nhựa IFC VINA	1.049.738.416	1.049.738.416	2.519.963.869	2.519.963.869
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Thái	-	-	1.843.109.715	1.843.109.715
Chi nhánh Công ty TNHH Sakata INX Việt Nam tại Bắc Ninh	962.687.700	962.687.700	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	7.161.232.203	7.161.232.203	10.663.911.691	10.663.911.691

NG TY CỔ PHẦN SIVICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)
TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị thuần	Giá gốc	Giá trị thuần
NGUYÊN GIÁ	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
Tại 01/01/2025	253.737.000	253.737.000	1.275.210.514	1.275.210.514
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398
Tại 01/01/2025	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Tăng trong năm	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398
NGUYÊN GIÁ	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
Tại 01/01/2025	253.737.000	253.737.000	1.275.210.514	1.275.210.514
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị thuần	Giá gốc	Giá trị thuần
NGUYÊN GIÁ	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
Tại 01/01/2025	253.737.000	253.737.000	1.275.210.514	1.275.210.514
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398
Tại 01/01/2025	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Tăng trong năm	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị thuần	Giá gốc	Giá trị thuần
NGUYÊN GIÁ	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
Tại 01/01/2025	253.737.000	253.737.000	1.275.210.514	1.275.210.514
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua sắm	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	48.686.204.995	48.939.941.995	60.165.376.340	61.440.586.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398
Tại 01/01/2025	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Tăng trong năm	1.879.039.608	1.879.039.608	7.598.177.053	7.598.177.053
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	9.186.691.378	11.065.730.986	23.443.091.345	31.041.268.398

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 11.363.112.298 VND (tại ngày 01/01/2025 là 10.786.491.205 VND).

Công ty đã chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 68.290.162.363 VND (tại ngày 01/01/2025 là 77.686.155.859 VND) để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.758.435.532	29.596.123.374	30.576.083.980	1.778.474.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(244.715.308)	1.176.569.865	1.295.000.000	(363.145.443)
Thuế thu nhập cá nhân	242.508.764	1.140.804.772	1.097.720.697	285.592.839
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	392.966.383	392.966.383	-
Các loại thuế khác	-	192.321.400	192.321.400	-
Cộng	2.756.228.988	32.498.785.794	33.554.092.460	1.700.922.322
Trong đó:				
15.1 Phải nộp	3.000.944.296			2.064.067.765
15.2 Phải thu	244.715.308			363.145.443

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.138.159.862	837.177.822
Phí chuyển giao công nghệ	762.982.449	524.069.420
Thưởng vượt doanh số của đại lý	375.177.413	313.108.402

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	803.931.137	738.140.962
Kinh phí công đoàn	470.830.887	483.464.944
Bảo hiểm xã hội	86.590.500	-
Bảo hiểm y tế	14.610.150	18.815.248
Bảo hiểm thất nghiệp	5.018.600	8.979.770
Nhận ký cược, ký quỹ	226.881.000	226.881.000

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	13.517.348.114	40.806.203.457
Các khoản vay	13.517.348.114	40.806.203.457

NG TY CỔ PHẦN SIVICO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025				
	VND	VND				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	7.936.000.000	-	7.936.000.000	-	-	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng
Tổng cộng	832.290	7.936.000.000	-	832.290	7.936.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	358.316	3.375.000.000	-	358.316	3.375.000.000	-
Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	473.974	4.561.000.000	-	473.974	4.561.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì VLC	115.000	1.150.000.000	-	115.000	1.150.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	358.974	3.411.000.000	-	358.974	3.411.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Các khoản vay	01/01/2025		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm VND	VND
Vay ngắn hạn	40.806.203.457	40.806.203.457	187.437.856.917	13.517.348.114
- Vay ngắn hạn (*)	20.858.038.565	20.858.038.565	137.810.895.226	10.664.727.195
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	5.474.793.630	5.474.793.630	7.826.240.329	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng	11.473.371.262	11.473.371.262	38.800.721.362	2.852.620.919
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	3.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	-	-	-	-

(*) Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thoả thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo của các Ngân hàng. Mục đích vay để sử dụng cho việc mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Số đầu năm trước	30.123.740.000	113.644.734.585	72.916.595.178	216.685.069.763	
Tăng trong năm trước	-	-	24.638.614.024	24.638.614.024	
Lãi trong năm	-	-	24.638.614.024	24.638.614.024	
Giảm trong năm trước	-	-	9.770.505.080	9.770.505.080	
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.770.505.080	9.770.505.080	
Số đầu năm nay	30.123.740.000	113.644.734.585	87.784.704.122	231.553.178.707	
Tăng trong năm nay	4.518.040.000	-	31.042.823.151	35.560.863.151	
Tăng vốn	4.518.040.000	-	-	4.518.040.000	
Lãi trong năm	-	-	30.426.857.802	30.426.857.802	
Tăng khác	-	-	615.965.349	615.965.349	
Giảm trong năm nay	-	-	14.977.738.524	14.977.738.524	
Phân phối lợi nhuận	-	-	14.977.738.524	14.977.738.524	
Số cuối năm nay	34.641.780.000	113.644.734.585	103.849.788.749	252.136.303.334	

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tại ngày 01/01	87.784.704.122	72.916.595.178
Tăng trong năm	31.042.823.151	24.638.614.024
Lãi trong năm	30.426.857.802	24.638.614.024
Tăng khác	615.965.349	-
Giảm trong năm	14.977.738.524	9.770.505.080
Chia cổ tức bằng tiền	6.024.748.000	7.229.697.600
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.518.040.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.434.950.524	2.540.807.480
Tại ngày 31/12	103.849.788.749	87.784.704.122

CỔ PHIẾU

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.464.178	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.464.178	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.464.178	3.012.374
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.464.178	3.012.374
Cổ phiếu phổ thông	3.464.178	3.012.374
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Loại	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại	1.167,68	1.178,57



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

21. DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.723.068.254	222.641.275.084
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	250.449.221.518	219.705.827.848
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1.499.183.364	1.040.113.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	1.774.663.372	1.895.333.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	193.306.239	256.527.610
Chiết khấu thương mại	93.992.089	116.367.357
Hàng bán bị trả lại	99.314.150	117.220.253
Giảm giá hàng bán	-	22.940.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.529.762.015	222.384.747.474
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	22.713.574.275	26.588.900.917
Công ty TNHH Vico	18.206.080.164	19.776.986.004
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	3.263.138.290	5.403.609.279
Công ty Cổ phần Vilaco	424.425.520	980.387.984
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	819.930.301	427.917.650
22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	186.585.914.650	167.629.556.282
Giá vốn của dịch vụ, khác	179.569.040	177.180.550
Cộng	186.765.483.690	167.806.736.832

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	6.373.054	41.180.189
Cổ tức được chia	172.500.000	172.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	60.809.258	1.287.912
Cộng	239.682.312	214.968.101

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.148.511.289	3.302.354.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.247.267.828	945.257.003
Chi phí tài chính khác	14.783.024	-
Cộng	3.410.562.141	4.247.611.898

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
25.1 Chi phí bán hàng	6.172.686.517	4.718.958.221
Phí chuyển giao công nghệ	768.403.570	566.857.004
Chi phí vận chuyển	3.043.111.493	2.342.276.819
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.361.171.454	1.809.824.398
25.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.069.655.796	20.294.627.236
Chi phí nhân viên	13.001.116.771	11.230.171.999
Chi phí khấu hao	2.545.670.396	2.418.230.450
Chi phí dự phòng	6.093.275.382	2.226.581.200
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.429.593.247	4.419.643.587

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	127.090.909	15.000.000
Các khoản hỗ trợ nhận được	-	50.316.000
Tiền bồi thường hàng hỏng	-	88.064.996
Xử lý công nợ	69.300.061	-
Các khoản khác	83.661.317	32.057.287
Cộng	280.052.287	185.438.283

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản bị phạt	104.611	63.451.227
Các khoản khác	27.576.192	-
Cộng	27.680.803	63.451.227

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.230.721.770	143.835.341.046
Chi phí nhân công	19.454.063.231	17.269.399.010
Chi phí khấu hao	11.875.820.924	11.232.131.416
Chi phí khác	17.601.785.211	16.460.461.443
Cộng	211.162.391.136	188.797.332.915



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	31.603.427.667	25.653.768.444
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	577.140.807	609.311.231
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	414.000.000	410.400.000
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	135.460.004	135.460.004
Chi phí không được trừ khác	27.680.803	63.451.227
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	172.500.000	172.500.000
Cổ tức được chia	172.500.000	172.500.000
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	32.008.068.474	26.090.579.675
Lợi nhuận được miễn thuế (4a)	26.125.219.150	21.014.807.573
Lợi nhuận không được miễn thuế (4b)	5.882.849.324	5.075.772.102
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4b)*(5)	1.176.569.865	1.015.154.420

(4): Tổng lợi nhuận tính thuế năm 2025 là 32.008.068.474 VND, trong đó: lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính là 30.488.060.626 VND, lợi nhuận từ hoạt động khác là 1.520.007.848 VND.

Xác định lợi nhuận được ưu đãi do đầu tư mở rộng theo tỷ lệ nguyên giá tài sản cố định tăng thêm của dự án so với tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp tại 31/12/2025 như sau:

	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của dự án đầu tư mở rộng [1]	120.576.315.635
Nguyên giá tài sản cố định vô hình của dự án đầu tư mở rộng [2]	-
Tổng nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2025 [3]	140.716.838.620
Tỷ trọng [4]=([1]+[2])/[3]	85,69%
Tổng lợi nhuận tính thuế [5]	32.008.068.474
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính [6]	30.488.060.626
Lợi nhuận do đầu tư mở rộng [7]=[4]*[6]	26.125.219.150
Lợi nhuận không được ưu đãi thuế [8]=[5]-[7]	5.882.849.324

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	30.426.857.802	24.638.614.024
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	4.434.950.524
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	30.426.857.802	20.203.663.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.167.119	3.012.374
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	9.607	6.707

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2024 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng đến tính hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Đóng góp kinh phí thương hiệu Tập đoàn		114.317.874	99.408.342
Cổ tức được chia		172.500.000	172.500.000
Nhận cổ tức bằng tiền		172.500.000	172.500.000
Kinh phí công đoàn		48.569.900	49.256.000
Nộp kinh phí công đoàn		-	10.945.835
Kinh phí tập đoàn		114.319.593	-
Chuyển tiền ủng hộ		52.900.000	21.487.000
Nộp chi phí cho ngày hội văn hóa		-	3.500.000
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		40.574.790	9.189.247
Trả tiền hàng		40.574.790	9.189.247
Trả cổ tức bằng tiền		405.000.000	486.000.000
Cho vay		-	4.000.000.000
Thu tiền cho vay		-	4.000.000.000
Lãi cho vay nhận được		300.000	36.625.000
Công ty TNHH Vico	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		20.696.740.762	24.021.037.255
Thu tiền hàng		23.408.425.200	20.943.833.554
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		690.120	48.881.793
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		690.120	48.881.793
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		888.548.360	462.983.562
Thu tiền hàng		743.411.922	532.520.162
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		1.065.438	759.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		1.065.438	759.000
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		3.524.868.650	5.841.560.220
Thu tiền hàng		4.939.248.821	6.129.573.073



CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09 - DN

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		14.407.200	87.156.190
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		14.407.200	87.156.190
Công ty Cổ phần Vilaco	Chung thành viên quản lý chủ chốt		
Bán hàng (cả thuế GTGT đầu ra)		458.379.560	1.059.500.620
Thu tiền hàng		475.532.284	969.538.044
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		1.936.785	5.673.894
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả		1.936.785	5.673.894
Bù trừ số dư lẽ		7	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	190.200.923	193.517.564
Ông Nguyễn Mộng Lân	Phó Chủ tịch HĐQT	152.160.738	154.814.051
Bà Phạm Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	129.600.615	131.811.709
Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	129.600.615	131.811.709
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	129.600.615	131.811.709
Ông Trần Bình Ân	Thành viên HĐQT	129.600.615	131.811.709
Ông Hòa Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	1.299.326.511	1.723.308.187
Ông Hoàng Văn Hùng	Tổng Giám đốc		
	Giám đốc kinh doanh	604.210.133	683.883.623
	Thành viên BKS		
Ông Phạm Thanh Tùng	Giám đốc sản xuất	533.284.563	614.624.430
Bà Dương Thị Thanh Thủy	Giám đốc tài chính	521.667.727	703.892.971
	Kế toán trưởng		
Bà Bùi Kim Ngọc	Trưởng BKS	94.200.307	95.305.855
Ông Đinh Văn Ước	Thành viên BKS	51.300.154	51.852.927
Cộng		3.964.753.516	4.748.446.444

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 04 bộ phận hoạt động: sơn, bao bì, cho thuê tài sản và khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 04 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 04 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sơn: sản xuất và phân phối sơn;
- Bộ phận bao bì: sản xuất và phân phối bao bì;
- Bộ phận cho thuê tài sản: cho thuê mặt bằng sân bãi, xưởng, văn phòng;
- Bộ phận khác: bán hàng hóa, sản phẩm nhựa cứng, dịch vụ và các loại khác không phải là các bộ phận nêu trên.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

NG TY CỔ PHẦN SIVICO

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(C thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2025

	Sơn	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Cộng
Tài sản					
Tài sản bộ phận	9.920.740.388	50.042.470.279	-	-	59.963.210.667
Tài sản không phân bổ					243.401.996.705
Cộng					303.365.207.372
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.408.303.610	3.884.054.932	-	-	6.292.358.542
Nợ phải trả không phân bổ					44.936.545.496
Cộng					51.228.904.038

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

	Sơn	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	169.887.847.525	80.434.283.084	1.499.183.364	1.708.448.042	253.529.762.015
Giá vốn hàng bán	111.372.815.578	70.138.669.287	-	5.253.998.825	186.765.483.690
Chi phí không phân bổ					32.242.342.313
Doanh thu hoạt động tài chính					239.682.312
Chi phí tài chính					3.410.562.141
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					31.351.056.183
Lãi (lỗ) khác					252.371.484
Lợi nhuận trước thuế					31.603.427.667
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.176.569.865
Lợi nhuận sau thuế					30.426.857.802

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
c thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán tại 01/01/2025

	Sơ	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND
Tài sản					Cộng
Tài sản bộ phận	16.421.818.368	84.240.384.782	-	-	100.662.203.150
Tài sản không phân bổ					215.086.454.457
Cộng					315.748.657.607
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	5.485.754.922	11.138.347.985	-	-	16.624.102.907
Nợ phải trả không phân bổ					67.571.375.993
Cộng					84.195.478.900
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024					
	Sơ	Bao bì	Cho thuê tài sản	Khác	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần	122.765.402.157	96.683.898.081	1.040.113.636	1.895.333.600	222.384.747.474
Giá vốn hàng bán	89.166.151.971	76.854.272.942	-	1.786.311.919	167.806.736.832
Chi phí không phân bổ					25.013.585.457
Doanh thu hoạt động tài chính					214.968.101
Chi phí tài chính					4.247.611.898
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					25.531.781.388
Lãi (lỗ) khác					121.987.056
Lợi nhuận trước thuế					25.653.768.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.015.154.420
Lợi nhuận sau thuế					24.638.614.024

Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thúy Dung

Dương Thị Thanh Thủy

Hòa Quang Thiệp

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Hòa Quang Thiệp
TỔNG GIÁM ĐỐC

□